



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Chủ biên: ThS. Đỗ Văn Giai - ThS. Trần Lương Đức

GIÁO TRÌNH

PHÁP LUẬT

ĐẠI CƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

Chủ biên: ThS. Đỗ Văn Giai – ThS. Trần Lương Đức

**GIÁO TRÌNH
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Hà Nội – 2010

Tập thể tác giả:

| | |
|---|----------|
| ThS. Đỗ Văn Giai: | Chương 1 |
| ThS. Trần Lương Đức: | Chương 2 |
| ThS. Nguyễn Thị Bình: | Chương 3 |
| ThS. Trần Lương Đức, Nguyễn Thị Phương Thúy: | Chương 4 |
| ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy, Nguyễn Thùy Linh: | Chương 5 |
| ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy: | Chương 6 |
| ThS. Đỗ Văn Giai, Nguyễn Quang Huy: | Chương 7 |

Lời nói đầu

Trong xã hội hiện đại, việc hiểu biết pháp luật để sống và làm việc theo pháp luật của các thành viên trong xã hội là một tất yếu, phù hợp với sự tiến bộ của xã hội. Việc nghiên cứu các vấn đề lý luận chung về Nhà nước, về pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc trang bị những kiến thức pháp lý cơ bản để tiếp cận những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu và học tập trong giai đoạn mới. Tập thể tác giả Bộ môn Hành chính pháp chế, trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh đã biên soạn "*Giáo trình Pháp luật đại cương*". Tập giáo trình này nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những kiến thức có tính khái quát, cơ bản về hiện tượng Nhà nước, pháp luật và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, làm cơ sở để có thể tiếp tục nghiên cứu các môn học có liên quan khác trong chương trình đào tạo.

Mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng cuốn sách khó có thể tránh khỏi những thiếu sót. Tập thể tác giả rất mong độc giả đóng góp ý kiến để tiếp tục hoàn thiện cuốn sách trong những lần xuất bản tiếp theo.

Các tác giả

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI NÓI ĐẦU | 3 |
| CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC..... | 6 |
| 1.1. Nguồn gốc Nhà nước | 6 |
| 1.2. Bản chất, đặc trưng của Nhà nước..... | 14 |
| 1.3. Chức năng của Nhà nước..... | 18 |
| 1.4. Hình thức Nhà nước | 19 |
| 1.5. Kiểu nhà nước..... | 22 |
| CHƯƠNG 2: LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁP LUẬT | 30 |
| 2.1. Khái quát chung về pháp luật | 30 |
| 2.2. Quy phạm pháp luật..... | 39 |
| 2.3. Quan hệ pháp luật | 45 |
| 2.4. Thực hiện pháp luật | 53 |
| 2.5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý..... | 59 |
| 2.6. Pháp chế xã hội chủ nghĩa | 67 |
| CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT..... | 76 |
| 3.1. Khái quát chung về hệ thống pháp luật | 76 |
| 3.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật của Việt Nam..... | 80 |
| 3.3. Hình thức pháp luật | 93 |
| 3.4. Văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam..... | 94 |

| | |
|--|-----|
| CHƯƠNG 4: LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM..... | 104 |
| 4.1. Khái quát chung về Luật Hiến pháp..... | 104 |
| 4.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 1992..... | 109 |
| 4.2.3. Chính sách văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ (Điều 30 - 43 Hiến pháp 1992)..... | 120 |
| CHƯƠNG 5: LUẬT HÀNH CHÍNH VIỆT NAM | 143 |
| 5.1. Khái quát chung về Luật Hành chính | 143 |
| 5.2. Cơ quan hành chính Nhà nước | 151 |
| 5.3. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính..... | 154 |
| 5.4. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức | 165 |
| CHƯƠNG 6: LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM | 173 |
| 6.1. Khái quát chung về Luật Dân sự | 173 |
| 6.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Dân sự Việt Nam | 181 |
| CHƯƠNG 7: LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM | 210 |
| 7.1. Khái quát chung Luật hình sự | 210 |
| 7.2. Tội phạm và các chế định khác có liên quan đến tội phạm.... | 213 |
| 7.3. Hình phạt | 225 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 237 |

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC

1.1. Nguồn gốc Nhà nước

Muốn hiểu rõ bản chất của Nhà nước và những quy luật phát triển của chúng, trước hết cần phải làm sáng tỏ nguyên nhân và giải thích quá trình phát sinh của Nhà nước.

Trong lịch sử tư tưởng về Nhà nước đó tồn tại những quan điểm khác nhau về nguồn gốc của Nhà nước, vì Nhà nước là một hiện tượng xã hội rất phức tạp. Từ thời kỳ cổ đại, trung đại đó có nhiều nhà tư tưởng tiếp cận và đưa ra những kiến giải khác nhau về nguồn gốc Nhà nước và cho đến nay vấn đề nguồn gốc Nhà nước vẫn là vấn đề có nhiều quan điểm khác nhau trong các học thuyết và tư tưởng trên thế giới.

Nhìn nhận một cách khái quát chúng ta có thể phân chia các học thuyết đó thành hai loại: Học thuyết Mác – Lênin về nguồn gốc Nhà nước và các học thuyết phi Macxít về nguồn gốc Nhà nước.

1.1.1. Một số học thuyết phi Macxít về nguồn gốc Nhà nước

Một số học thuyết phi Macxít khi giải thích nguồn gốc Nhà nước là không dựa trên cơ sở quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, mà có những cách lý giải khác nhau, tiêu biểu có các quan điểm sau:

* *Thuyết thần học*: Theo tư tưởng của các nhà thần học thì thượng đế là người sắp đặt trật tự xã hội. Mọi thứ trên đời do thượng đế sinh ra, Nhà nước cũng vậy đều là sản phẩm của thượng đế. Thượng đế sáng tạo ra Nhà nước để duy trì, đảm bảo trật tự chung. Do vậy, Nhà nước là lực

trong việc tạo nên tầng, cơ sở tư tưởng cho cách mạng tư sản, lật đổ ách thống trị của Nhà nước phong kiến.

Tuy nhiên, học thuyết này vẫn có những hạn chế cơ bản vì nó vẫn giải thích nguồn gốc Nhà nước trên cơ sở chủ nghĩa duy tâm, coi Nhà nước lập ra là do ý muốn, nguyện vọng chủ quan của các bên tham gia khế ước, nó không giải thích được cội nguồn vật chất và bản chất giai cấp của Nhà nước.

Ngoài các học thuyết trên, trong lịch sử tư tưởng về nguồn gốc Nhà nước còn có những quan điểm khác như: thuyết bạo lực (Nhà nước xuất hiện là kết quả sử dụng bạo lực của thị tộc này đối với thị tộc khác mà kết quả là thị tộc chiến thắng đặt ra cái được gọi là Nhà nước để nô dịch kẻ chiến bại); thuyết tâm lý (Nhà nước xuất hiện do tâm lý của người nguyên thủy luôn muốn phụ thuộc vào các thư hình, các giáo sỹ... Nhà nước là tổ chức do các siêu nhân có sứ mạng lãnh đạo xã hội tổ chức ra).

Nhìn chung, do nhiều nguyên nhân khác nhau, các học thuyết trên đây đều giải thích nguồn gốc Nhà nước với tính cách là một hiện tượng xã hội vĩnh viễn, tách rời Nhà nước với quá trình vận động và phát triển của đời sống vật chất xã hội, chưa giải thích đúng nguồn gốc, chưa vạch ra được ý nghĩa vật chất và bản chất giai cấp khi giải thích nguồn gốc Nhà nước và sự tồn tại của Nhà nước.

1.1.2. Học thuyết Mác Lênin về nguồn gốc Nhà nước

Với quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, chủ nghĩa Mác - Lênin đó chứng minh một cách khoa học rằng: Nhà nước và pháp luật không phải là những hiện tượng xã hội vĩnh cửu bất biến. Nhà nước và pháp luật chỉ xuất hiện khi xã hội loài người đó phát triển đến một giai đoạn nhất định. Chúng luôn luôn vận động và phát triển và cũng sẽ tiêu vong khi những điều kiện khách quan cho sự tồn tại và phát triển của chúng không còn nữa.

Như vậy, theo quan niệm học thuyết Mác - Lênin thì Nhà nước là những hiện tượng xã hội tồn tại nhất thời trong lịch sử gắn liền với những điều kiện của xã hội có giai cấp. Nó là một học thuyết khoa học chứa đựng các tiêu chuẩn lịch sử, logic và thực tiễn.

a) Chế độ công xã nguyên thủy và tổ chức thị tộc bộ lạc

Chế độ công xã nguyên thủy là hình thái kinh tế xã hội đầu tiên trong lịch sử nhân loại, đó là một xã hội không có giai cấp, chưa có Nhà nước, nhưng những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của Nhà nước lại nảy sinh trong chính xã hội đó. Vì vậy việc nghiên cứu về công xã nguyên thủy sẽ là cơ sở để giải thích nguyên nhân làm phát sinh ra Nhà nước, tạo điều kiện để hiểu rõ bản chất của chúng.

Để tìm hiểu về xã hội cộng sản nguyên thủy trước hết phải xem xét cơ sở kinh tế và kết cấu xã hội của nó.

** Về cơ sở kinh tế*

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp kém, công cụ lao động thô sơ, năng suất lao động thấp, con người chưa có nhận thức đúng đắn về tự nhiên và bản thân mình. Họ luôn luôn mềm yếu, hoảng sợ và bất lực trước những tai họa của thiên nhiên, điều kiện sống khắc nghiệt. Trong những điều kiện và hoàn cảnh đó con người không thể sống biệt lập mà phải dựa vào nhau cùng chung sống, cùng lao động, cùng hưởng thụ những thành quả lao động chung. Chính vì lẽ đó đó dẫn đến cơ sở kinh tế của xã hội cộng sản nguyên thủy là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động. Mọi người đều bình đẳng trong lao động và hưởng thụ, không có ai có tài sản riêng, không có người giàu kẻ nghèo, không có tình trạng người này chiếm đoạt tài sản của người kia. Do đó xã hội cộng sản nguyên thủy là một xã hội thuần nhất chưa có giai cấp và đấu tranh giai cấp

** Về mặt kết cấu xã hội*

Những điều kiện kinh tế trong xã hội cộng sản nguyên thủy đã quyết định hình thức tổ chức của xã hội cộng sản nguyên thủy. Thị tộc là cơ sở tồn tại của xã hội được tổ chức bình đẳng và theo huyết thống. Trong thị tộc đã tồn tại sự phân công lao động, nhưng mới chỉ là sự phân công lao động tự nhiên chưa mang tính chất xã hội. Ở giai đoạn đầu do những điều kiện về kinh tế xã hội, các thị tộc được tổ chức theo chế độ mẫu hệ, khi kinh tế xã hội phát triển, đã thay đổi quan hệ hôn nhân, người đàn ông đã giữ vai trò chủ đạo trong đời sống thị tộc và chế độ mẫu hệ đã chuyển thành chế độ phụ hệ.

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy đã tồn tại quyền lực và hệ thống quản lý các công việc của thị tộc. Nhưng quyền lực trong xã hội cộng sản nguyên thủy chỉ là quyền lực xã hội chưa mang tính chất giai cấp. Quyền lực đó chưa tách khỏi xã hội mà nó gắn liền với xã hội, hòa nhập với xã hội. Quyền lực đó do toàn xã hội tổ chức ra và phục vụ lợi ích của cả cộng đồng.

Để tổ chức và quản lý thị tộc, đã xuất hiện Hội đồng thị tộc. Hội đồng thị tộc là tổ chức quyền lực cao nhất của thị tộc bao gồm tất cả những người trưởng thành trong thị tộc không phân biệt nam, nữ. Hội đồng thị tộc quyết định những vấn đề quan trọng của thị tộc như: tổ chức lao động sản xuất, tiến hành chiến tranh, giải quyết các tranh chấp trong nội bộ, tổ chức các nghi lễ tôn giáo,...

Những quyết định của Hội đồng thị tộc là bắt buộc đối với tất cả mọi người. Nó linh hoạt với tư cách là sự thể hiện ý chí chung, trong thị tộc chưa có cơ quan cưỡng chế nhưng quyền lực xã hội có hiệu lực cao và đã thể hiện tính cưỡng chế mạnh mẽ.

Hội đồng thị tộc bầu ra người đứng đầu thị tộc như: tù trưởng, thủ lĩnh quân sự để thực hiện quyền lực và quản lý các công việc chung của thị tộc. Những người này có quyền lực rất lớn dựa vào uy tín cá nhân và sự tín nhiệm của các thành viên trong thị tộc. Họ không